

DANH SÁCH CÁC MÃ CHO VAY KÍ QUÝ THÁNG 03/2026

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	HOSE	20	7,210
2	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	HOSE	10	46,593
3	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	HOSE	50	26,000
4	ACC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	HOSE	10	12,811
5	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	HOSE	50	38,000
6	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	HOSE	10	12,778
7	ADS	Công ty Cổ phần DAMSAN	HOSE	10	7,940
8	AGG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	HOSE	10	16,600
9	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK	HOSE	30	17,000
10	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	30	28,100
11	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	HOSE	30	10,000
12	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	HOSE	20	15,376
13	BAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	HNX	20	12,000
14	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	HOSE	20	33,750
15	BCF	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	HNX	10	12,487
16	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	HOSE	50	73,000
17	BFC	Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	HOSE	40	46,550
18	BHN	Tổng Công ty Cổ phần Bía – Rượu – Nước giải khát Hà Nội	HOSE	40	21,403
19	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	30,000
20	BID	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	50	42,000
21	BMC	Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định	HOSE	10	19,000
22	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	HOSE	50	21,000
23	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	HOSE	50	145,300
24	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	HOSE	10	14,250
25	BSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	HOSE	40	46,700
26	BSR	Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	HOSE	40	20,000
27	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	HOSE	10	11,950
28	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành	HOSE	20	29,935
29	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	HNX	20	29,939

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đông/cp)
30	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	HOSE	50	54,900
31	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	HNX	50	40,000
32	BWE	Công ty CP – Tổng Công ty nước – Môi trường Bình Dương	HOSE	50	50,000
33	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	HNX	10	6,100
34	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	HNX	10	12,694
35	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Cù Chi	HOSE	10	14,548
36	CCL	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HOSE	20	6,930
37	CCR	Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	HNX	10	11,633
38	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	HOSE	20	15,000
39	CDN	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	HNX	40	19,339
40	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	HNX	20	11,781
41	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	HOSE	50	25,000
42	CIA	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh	HNX	10	9,400
43	CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	30	23,000
44	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	HOSE	20	35,000
45	CLH	Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	HNX	20	16,875
46	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	HOSE	20	18,000
47	CLM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin	HNX	20	70,369
48	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	HOSE	40	45,000
49	CNG	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	HOSE	50	18,015
50	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	HOSE	10	10,000
51	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	HOSE	30	14,000
52	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	HOSE	40	40,000
53	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	HNX	10	23,055
54	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	HOSE	30	84,200
55	CTF	Công ty Cổ phần City Auto	HOSE	10	11,795
56	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	HOSE	50	51,000
57	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	HOSE	20	25,200
58	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	HOSE	50	101,700
59	CTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	HOSE	40	40,700
60	CVT	Công ty Cổ phần CMC	HOSE	10	27,018
61	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	HOSE	30	23,000
62	DAT	Công ty cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	HOSE	10	7,400

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
63	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	HOSE	30	39,000
64	DBD	Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định	HOSE	40	54,500
65	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	HOSE	10	12,150
66	DC4	Công ty cổ phần DICERA HOLDINGS	HOSE	10	13,950
67	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	HOSE	10	20,925
68	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau	HOSE	50	36,000
69	DGW	Công ty Cổ phần Thế Giới Số	HOSE	50	50,000
70	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	HOSE	10	29,166
71	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	HOSE	50	32,000
72	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	HOSE	50	113,000
73	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	HNX	40	50,000
74	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	HOSE	20	22,000
75	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	HOSE	40	47,789
76	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	HNX	10	16,070
77	DP3	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3	HNX	10	25,244
78	DPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	HOSE	20	44,200
79	DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần	HOSE	50	43,000
80	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	HOSE	50	45,000
81	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	HOSE	50	20,000
82	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	HOSE	20	13,171
83	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đàm Sen	HOSE	20	24,130
84	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt	HNX	10	16,900
85	DTK	Tổng Công ty Điện lực TKV – Công ty Cổ phần	HNX	10	12,300
86	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	HNX	10	6,900
87	DVP	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	HOSE	40	50,000
88	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	HOSE	30	17,100
89	DXP	Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	HNX	30	9,900
90	DXS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	HOSE	20	9,200
91	EBS	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	HNX	10	11,200
92	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	HOSE	50	27,700
93	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	HNX	20	25,800
94	ELC	Công ty Cổ phần Công nghệ – Viễn thông ELCOM	HOSE	20	14,371
95	EVF	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	HOSE	20	10,800

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
96	EVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS	HNX	10	6,100
97	FCN	Công ty Cổ phần FECON	HOSE	10	15,400
98	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	HOSE	50	37,802
99	FPT	Công ty Cổ phần FPT	HOSE	50	122,500
100	FRT	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	HOSE	20	17,121
101	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	HOSE	40	41,800
102	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	HOSE	50	75,000
103	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	HNX	20	19,892
104	GEG	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	HOSE	30	17,000
105	GEX	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	HOSE	30	50,000
106	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	HNX	10	15,100
107	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	HOSE	50	67,000
108	GMX	Công ty Cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân	HNX	10	13,114
109	GSP	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	HOSE	20	12,800
110	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	HOSE	10	9,300
111	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần	HOSE	50	35,000
112	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HOSE	20	17,000
113	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HOSE	50	74,300
114	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HOSE	10	17,000
115	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	HOSE	10	7,700
116	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	27,000
117	HDB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh	HOSE	50	31,000
118	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	HOSE	30	32,000
119	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HOSE	50	29,400
120	HGM	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HNX	20	32,850
121	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	HNX	20	39,599
122	HHP	Công ty Cổ phần HHP Global	HOSE	20	9,200
123	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	HOSE	50	15,055
124	HHV	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HOSE	40	14,000
125	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	HNX	20	15,584
126	HLC	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm – Vinacomin	HNX	20	10,800
127	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL	HOSE	10	12,000
128	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	HNX	10	15,500

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
129	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HOSE	50	28,000
130	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	HOSE	20	20,016
131	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HOSE	40	20,000
132	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên	HOSE	20	12,650
133	HTG	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ	HOSE	20	27,248
134	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	HOSE	20	18,400
135	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HOSE	10	15,306
136	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	HOSE	10	10,350
137	HTV	Công ty Cổ phần Logistics Vicem	HOSE	10	9,000
138	HUB	Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	HOSE	10	16,000
139	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	HNX	20	12,956
140	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	HNX	20	36,300
141	IDC	Tổng Công ty IDICO – CTCP	HNX	40	46,400
142	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HOSE	30	7,150
143	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vinh Phúc	HNX	10	20,822
144	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	HOSE	50	15,000
145	ILB	Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình	HOSE	20	24,600
146	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	HOSE	50	40,000
147	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	HNX	20	41,609
148	IPA	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	HNX	10	14,000
149	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh nhà	HOSE	30	14,850
150	IVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Goutai Junan (Việt Nam)	HNX	20	9,500
151	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần	HOSE	30	35,000
152	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	HOSE	30	25,000
153	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	HOSE	40	29,700
154	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	HOSE	20	8,000
155	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	HOSE	30	13,000
156	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	HOSE	50	20,000
157	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV – Công ty Cổ phần	HNX	20	21,646
158	KTS	Công ty Cổ phần Đường Kon Tum	HNX	20	50,000
159	L10	Công ty Cổ phần Lilama 10	HOSE	10	22,200
160	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	HOSE	10	16,545
161	LAS	Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	HNX	30	22,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
162	LCG	Công ty Cổ phần Lizen	HOSE	30	12,000
163	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	HOSE	10	30,364
164	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	HNX	10	52,400
165	LHG	Công ty Cổ phần Long Hậu	HOSE	50	31,900
166	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	HOSE	50	30,000
167	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	HOSE	10	13,550
168	LPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	HOSE	50	35,250
169	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	HOSE	30	9,560
170	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	HOSE	50	31,000
171	MBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	HNX	50	32,000
172	MCM	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	HOSE	30	22,000
173	MCP	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	HOSE	10	15,509
174	MDC	Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin	HNX	10	10,800
175	MIG	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	HOSE	50	17,300
176	MSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	HOSE	50	14,500
177	MSH	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	HOSE	50	38,450
178	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	HOSE	50	80,000
179	MVB	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – Công ty Cổ phần	HNX	40	17,900
180	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	HOSE	50	72,000
181	NAB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	HOSE	40	17,000
182	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	HOSE	10	18,669
183	NAG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa	HNX	10	13,300
184	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	HOSE	10	13,200
185	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	HOSE	10	18,151
186	NBC	Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	HNX	20	9,800
187	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	HNX	10	17,865
188	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	HOSE	30	80,000
189	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	HNX	10	9,700
190	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	HNX	10	25,916
191	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	HNX	10	16,273
192	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	HOSE	20	12,673
193	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	HOSE	20	10,300
194	NKG	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	HOSE	20	17,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đông/cp)
195	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	HOSE	40	41,650
196	NSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	HOSE	40	84,500
197	NST	Công ty Cổ phần Ngân Sơn	HNX	10	12,200
198	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	HOSE	30	23,000
199	NTH	Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong	HNX	10	17,221
200	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	HOSE	20	18,000
201	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	HNX	50	70,000
202	OCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	HOSE	50	13,000
203	OPC	Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC	HOSE	10	13,929
204	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	HOSE	50	21,454
205	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	HOSE	50	33,700
206	PC1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	HOSE	30	28,000
207	PCE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Miền Trung	HNX	10	20,152
208	PCH	Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	HNX	10	10,918
209	PCT	Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific	HNX	10	11,500
210	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HOSE	10	33,466
211	PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	HOSE	20	12,935
212	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	HOSE	50	31,000
213	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex – Công ty Cổ phần	HOSE	50	13,900
214	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	HOSE	20	14,904
215	PGI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HOSE	40	16,842
216	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	HNX	20	20,782
217	PHR	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	HOSE	50	72,000
218	PIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	HNX	10	11,608
219	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	HNX	10	22,036
220	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	HOSE	10	10,600
221	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – Công ty Cổ phần	HNX	40	26,900
222	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	HOSE	50	42,000
223	PMB	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	HNX	10	10,900
224	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	HNX	10	27,242
225	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	HNX	10	25,344
226	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	HOSE	10	17,552
227	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	HOSE	50	89,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
228	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	HOSE	50	15,000
229	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	20	11,300
230	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	HNX	10	16,030
231	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	HNX	10	11,600
232	PPY	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Phú Yên	HNX	10	9,300
233	PRE	Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	HNX	10	15,914
234	PSD	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	HNX	40	13,000
235	PSE	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	HNX	10	11,800
236	PSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	HNX	20	6,800
237	PSW	Công ty Cổ phần Phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	HNX	10	8,100
238	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	HOSE	40	54,800
239	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	10	24,500
240	PVB	Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	HNX	20	17,861
241	PVC	Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – Công ty Cổ phần	HNX	40	12,200
242	PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	HOSE	20	24,000
243	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	HNX	20	6,700
244	PVI	Công ty Cổ phần PVI	HNX	50	50,000
245	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	HOSE	20	15,950
246	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	HNX	50	37,000
247	PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	HOSE	50	21,000
248	QNP	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	HOSE	10	22,422
249	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	HOSE	50	93,000
250	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	HOSE	50	80,000
251	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	HOSE	10	13,565
252	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	HNX	10	56,100
253	S99	Công ty Cổ phần SCI	HNX	10	7,400
254	SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	HOSE	50	55,000
255	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO	HNX	10	15,880
256	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	HOSE	20	6,540
257	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	HOSE	40	16,178
258	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	HOSE	10	12,550
259	SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa	HOSE	50	23,400
260	SCR	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	HOSE	20	7,430

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
261	SCS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	HOSE	50	68,800
262	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	HNX	10	8,800
263	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	HNX	10	11,800
264	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung	HNX	10	20,979
265	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	HNX	10	24,300
266	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	HOSE	10	10,900
267	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	HOSE	10	29,100
268	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	HNX	10	52,250
269	SGN	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	HOSE	40	38,012
270	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	HOSE	10	16,504
271	SHB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	HOSE	50	15,050
272	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	HNX	10	9,500
273	SHI	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	HOSE	20	13,133
274	SHP	Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	HOSE	40	11,858
275	SHS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	HNX	30	20,000
276	SIP	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	HOSE	50	69,000
277	SJD	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	HOSE	20	14,800
278	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	HNX	20	18,300
279	SJS	Công ty Cổ phần SJ GROUP	HOSE	20	26,854
280	SKG	Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong – Kiên Giang	HOSE	20	10,300
281	SLS	Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	HNX	50	166,585
282	SMB	Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Miền Trung	HOSE	10	21,045
283	SRC	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	HOSE	10	20,587
284	SSB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	HOSE	50	17,500
285	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	HOSE	10	28,860
286	SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	HOSE	50	34,000
287	ST8	Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	HOSE	10	6,550
288	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	HOSE	50	52,000
289	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	HNX	10	17,000
290	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	HOSE	10	21,000
291	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HOSE	10	12,700
292	SZB	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	HNX	10	23,717
293	SZC	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	HOSE	50	42,000

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đông/cp)
294	SZL	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	HOSE	10	23,097
295	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	HNX	10	13,368
296	TBC	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	HOSE	10	20,904
297	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	HOSE	50	37,000
298	TCH	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	HOSE	30	20,900
299	TCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	HOSE	10	8,170
300	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	HOSE	50	30,000
301	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may – Đầu tư – Thương mại Thành Công	HOSE	40	34,000
302	TCT	Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh	HOSE	10	17,000
303	TDM	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	HOSE	40	50,000
304	TDP	Công ty Cổ phần Thuận Đức	HOSE	10	11,716
305	TDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	HOSE	10	29,867
306	TFC	Công ty Cổ phần Trang	HNX	10	25,357
307	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	HNX	10	11,272
308	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HOSE	10	28,416
309	TIP	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tin Nghĩa	HOSE	40	21,000
310	TLĐ	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	HOSE	10	6,820
311	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	HOSE	50	55,700
312	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	HNX	10	7,600
313	TMP	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	HOSE	40	22,743
314	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	HOSE	10	31,854
315	TN1	Công ty Cổ phần Rox Key Holdings	HOSE	10	11,000
316	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	HOSE	10	18,039
317	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	HNX	50	23,000
318	TOT	CTCP TRANSIMEX LOGISTICS	HNX	10	15,551
319	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	HOSE	50	16,000
320	TRA	Công ty Cổ phần Traphaco	HOSE	40	36,020
321	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	HOSE	40	66,300
322	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	HOSE	20	10,400
323	TTT	Công ty Cổ phần Du Lịch – Thương Mại Tây Ninh	HNX	10	30,200
324	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	HOSE	30	40,000
325	TVD	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin	HNX	30	10,700
326	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	HOSE	20	14,238

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
327	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	HOSE	10	15,400
328	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	HOSE	10	14,450
329	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	HOSE	10	39,300
330	VAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	HOSE	30	12,500
331	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh	HNX	10	20,300
332	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	HNX	10	10,000
333	VC3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông	HNX	10	11,285
334	VC6	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons	HNX	10	17,838
335	VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	HOSE	50	66,000
336	VCF	Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	HOSE	50	76,106
337	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	HOSE	50	26,000
338	VCI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	HOSE	50	43,050
339	VCS	Công ty Cổ phần VICOSTONE	HNX	50	55,000
340	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	HOSE	10	34,246
341	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	HOSE	10	11,819
342	VFG	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	HOSE	50	50,000
343	VFS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	HNX	20	13,463
344	VGC	Tổng Công ty Viglacera – Công ty Cổ phần	HOSE	50	52,400
345	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	HNX	30	20,123
346	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	HOSE	50	62,000
347	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	HOSE	50	65,000
348	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	HOSE	50	18,400
349	VIC	Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	HOSE	50	70,468
350	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần	HNX	10	14,290
351	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	HOSE	30	12,550
352	VIX	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	HOSE	30	18,000
353	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	HOSE	50	110,000
354	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	HNX	50	30,000
355	VND	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	HOSE	40	21,150
356	VNF	Công ty Cổ phần Vinafreight	HNX	10	13,800
357	VNL	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	HOSE	10	20,800
358	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	HOSE	50	69,000
359	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	HNX	50	22,500

STT	Mã	Tên	Sàn	Tỷ lệ cho vay (%)	Giá chặn (Đồng/cp)
360	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	HOSE	10	9,500
361	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	HOSE	50	29,000
362	VPD	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	HOSE	10	13,266
363	VPI	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú	HOSE	40	53,000
364	VPL	Cổ phiếu Công ty cổ phần Vinpearl	HOSE	30	80,000
365	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	HOSE	50	23,928
366	VSA	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	HNX	10	22,900
367	VSC	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	HOSE	50	22,950
368	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HOSE	10	15,227
369	VTP	Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	HOSE	40	121,000
370	VTZ	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	HNX	10	14,917
371	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	HNX	10	114,629
372	YEG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1	HOSE	20	12,250